

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HÀ NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2022/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được
sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2019/QH14;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 3304/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam; báo cáo
thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận, thống
nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí,
định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XIX, Kỳ họp thứ mười một (*Kỳ họp thường lệ cuối năm 2022*) thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: LĐ-TB và XH, TC;
- Cục KTVBQPPL - BTP;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB và XH, TC, TP;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 30/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố sử dụng kinh phí của Chương trình; các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến thực hiện nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và bền vững.

3. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và giai đoạn.

4. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II

TIÊU CHÍ, HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH, XÁC ĐỊNH PHÂN BỐ VỐN TỪNG DỰ ÁN

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn và căn cứ tính hệ số

1. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo của các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ vào số liệu công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

2. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 do Cục Thống kê tỉnh Hà Nam công bố.

3. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố để tính điểm hệ số căn cứ số liệu công bố năm 2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam.

4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi để tính điểm hệ số căn cứ theo số liệu công bố năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Hà Nam.

Điều 5. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

1. Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 3% | 0,4 |
| - Từ 3% đến dưới 5% | 0,5 |
| - Từ 5% đến dưới 8% | 0,6 |
| - Từ 8% trở lên | 0,7 |
| Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 500 hộ | 0,4 |
| - Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ | 0,45 |
| - Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ | 0,5 |
| - Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ | 0,6 |

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|----------------------------------------------------------------------|---------------|
| - Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ | 0,7 |
| - Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ | 0,8 |
| - Từ 5.000 hộ trở lên | 0,9 |
| Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Mỗi xã/phường/thị trấn | 0,1 |

2. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức sau: $C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách của tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố (i)

X_i là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện, thị xã, thành phố (i))

Y_i là điểm hệ số tiêu chí 3 của huyện, thị xã, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^6 X_i \cdot Y_i} \text{ (là tổng } X_i \cdot Y_i \text{ của 6 huyện, thị xã, thành phố)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Điều 6. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

1. Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 3% | 0,4 |
| - Từ 3% đến dưới 5% | 0,5 |
| - Từ 5% đến dưới 8% | 0,6 |

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------|
| - Từ 8% trở lên | 0,7 |
| Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 500 hộ | 0,4 |
| - Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ | 0,45 |
| - Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ | 0,5 |
| - Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ | 0,6 |
| - Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ | 0,7 |
| - Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ | 0,8 |
| - Từ 5.000 hộ trở lên | 0,9 |
| Tiêu chí 3: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Mỗi xã/phường/thị trấn | 0,1 |

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $\text{Đi} = Q \cdot \text{Xi} \cdot \text{Yi}$

Trong đó:

Đi là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố (i).

Xi là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện, thị xã, thành phố (i))

Yi là điểm hệ số tiêu chí 3 của huyện, thị xã, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^6 \text{Xi} \cdot \text{Yi}} \quad (\text{là tổng } \text{Xi} \cdot \text{Yi} \text{ của 6 huyện, thị xã, thành phố})$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

2. Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng

a) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| Tiêu chí 1: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Mỗi xã/phường/thị trấn | 0,1 |
| Tiêu chí 2: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 5% | 1 |
| - Từ 5% đến dưới 10% | 1,2 |
| - Từ 10% đến dưới 15% | 1,4 |
| - Từ 15% trở lên | 1,6 |

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $E_i = Q.Y_i.DDi$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố (i)

DDi là điểm hệ số tiêu chí 2 của huyện, thị xã, thành phố (i)

Y_i là điểm hệ số tiêu chí 1 của huyện, thị xã, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^6 Y_i . DDi} \text{ (là tổng } Y_i . DDi \text{ của 6 huyện, thị xã, thành phố)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Tiểu dự án cải thiện dinh dưỡng

Điều 7. Dự án Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

* Tiểu dự án Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Định mức phân bổ:

(1) Phân bổ 70% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh;

(2) Phân bổ 30% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

(1) Các tiêu chí và điểm hệ số cụ thể:

| Tiêu chí | Điểm hệ số |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 3% | 0,4 |
| - Từ 3% đến dưới 5% | 0,5 |
| - Từ 5% đến dưới 8% | 0,6 |
| - Từ 8% trở lên | 0,7 |
| Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 500 hộ | 0,4 |
| - Từ 500 hộ đến dưới 1.000 hộ | 0,45 |
| - Từ 1.000 hộ đến dưới 2.000 hộ | 0,5 |
| - Từ 2.000 hộ đến dưới 3.000 hộ | 0,6 |
| - Từ 3.000 hộ đến dưới 4.000 hộ | 0,7 |
| - Từ 4.000 hộ đến dưới 5.000 hộ | 0,8 |
| - Từ 5.000 hộ trở lên | 0,9 |
| Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, thị xã, thành phố | |
| - Dưới 20.000 người | 1 |
| - Từ 20.000 người đến dưới 30.000 người | 1,3 |
| - Từ 30.000 người đến dưới 40.000 người | 1,6 |
| - Từ 40.000 người đến dưới 50.000 người | 1,9 |
| - Từ 50.000 người đến dưới 60.000 người | 2,2 |
| - Từ 60.000 người trở lên | 2,5 |

(2) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố:

Vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức: $M_i = Q.X_i.Y_i$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách tỉnh phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố (i)

X_i là tổng điểm hệ số của 2 tiêu chí (tiêu chí 1, tiêu chí 2 của huyện, thị xã, thành phố (i))

Y_i là hệ số tiêu chí 3 của huyện, thị xã, thành phố (i)

Q là vốn bình quân của một huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^6 X_i.Y_i} \text{ (là tổng } X_i.Y_i \text{ của 6 huyện, thị xã, thành phố)}$$

G là tổng số vốn ngân sách tỉnh để thực hiện Tiểu dự án Hỗ trợ việc làm bền vững.

Điều 8. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

1. Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin.

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 30% tổng kinh phí Tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 70% tổng kinh phí Tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Tiểu dự án Truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 35% tổng kinh phí Tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 65% tổng kinh phí Tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Điều 9. Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

1. Tiểu dự án Nâng cao năng lực.

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 50% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 50% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Tiểu dự án Giám sát, đánh giá Chương trình.

a) Định mức phân bổ: Phân bổ 40% tổng kinh phí tiểu dự án cho các sở, ngành cấp tỉnh; 60% tổng kinh phí tiểu dự án cho các huyện, thị xã, thành phố.

b) Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn cho các huyện, thị xã, thành phố: Áp dụng phương pháp tính như Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nguồn vốn thực hiện

1. Kinh phí phân bổ từ Trung ương thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
2. Nguồn ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
3. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
